

Bản án số: 219/2017/HSPT

Ngày: 25/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Thành

Các thẩm phán: Ông Trần Minh Tuấn

Ông Phạm Việt Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Đức, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Ra, Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 229/2017/TLPT-HS ngày 13/7/2017 đối với bị cáo Y M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do có kháng cáo của bị cáo, đối với bản án sơ thẩm số 21/2017/HSST ngày 07/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

1. Bị cáo bị kháng cáo:

Y M (Tên gọi khác: Y M1) sinh ngày 07/08/1977 tại Kon Tum; Trú tại: thị trấn S, huyện S, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa 3/12; Con ông A W và bà Y H; Bị cáo là con lớn nhất trong gia đình có 07 anh em; Có chồng là A D và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 04/10/2016 cho đến nay. Có mặt.

2. Những người bị hại:

2.1. Nguyễn Thị B, sinh năm 1961. Trú tại: thị trấn S, huyện S, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

2.2. Trần Thị X, sinh năm 1959. Trú tại: thị trấn S, huyện S, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa và liên quan:

3.1. NLQ1, sinh năm 1972. Trú tại: thị trấn S, huyện S, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

3.2. NLQ2, sinh năm 1958. Trú tại: thị trấn S, huyện S, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

4. Người làm chứng:

4.1. NLC1, sinh năm 1966. Trú tại: xã SN, huyện S, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

4.2. NLC2, sinh năm 1983. Trú tại: thị trấn S, huyện S, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lợi dụng danh nghĩa là Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ làng K kiêm tổ trưởng tổ vay vốn Ngân hàng CS; Tổ trưởng tổ vay vốn dự án CARITAS Kon Tum (đây là dự án phi Chính phủ của đạo Thiên chúa giáo cho hộ dân nghèo vay tiền để chăn nuôi, trồng trọt tại tỉnh Kon Tum, do Linh Mục - Nguyễn Văn Đ làm giám đốc dự án; huyện S do bà Nguyễn Thị Q phụ trách; Làng K, thị trấn S do Y M làm tổ trưởng tổ vay vốn). Vào khoảng giữa năm 2013 do cần tiền tiêu xài cá nhân, thông qua mối quan hệ quen biết từ trước, Y M đến gặp đưa ra thông tin không đúng sự thật vay tiền để đáo hạn ngân hàng cho người khác và đặt vấn đề với bà Nguyễn Thị B vay số tiền 40.000.000đ, bà B đồng ý cho vay và hai bên thỏa thuận tiền lãi 3.000đ/01ngày/1.000.000đ, thời gian vay 01 tuần. Có được tiền Y M tiêu xài hết, đến hạn nhưng không có tiền trả nợ cho bà Nguyễn Thị B, Y M tiếp tục đặt vấn đề với bà Nguyễn Thị X để vay tiền với mục đích trả nợ cho bà B. Lần này Y M đưa ra thông tin không đúng sự thật là vay tiền để đáo nợ cho những người dân vay tiền dự án CARITAS Thiên chúa giáo, đồng thời YM còn đưa cho bà X xem các giấy tờ, sổ sách có liên quan đến dự án CARITAS để làm tin, với thông tin này bà X đã đồng ý cho Y M vay số tiền 45.000.000đ, hai bên thỏa thuận tiền lãi là 3.000đ/01ngày/1.000.000đ, thời gian vay 01 tuần. Sau khi có được số tiền vay từ bà X, Y M đã dùng vào việc trả khoản nợ gốc, lãi cho bà B. Khi đến hạn trả cho khoản tiền vay của bà X, Y M tiếp tục gặp bà B để đặt vấn đề vay mượn tiền, thông tin và thỏa thuận mà Y M đưa ra giống như lần vay đầu tiên và bà B đã đồng ý. Cứ như vậy, từ giữa năm 2013 cho đến năm 2015, Y M đã nhiều lần đưa ra thông tin gian dối “*vay tiền để đáo hạn ngân hàng chính sách; đáo hạn vốn vay dự án CARITAS cho các hộ dân*” để vay mượn tiền của bà B trả cho bà X và vay mượn tiền của bà X trả cho

bà B. Với những thông tin đưa ra không đúng sự thật như đã nêu trên để vay tiền, Y M đã vay rồi chiếm đoạt tiền của bà Nguyễn Thị B và bà Trần Thị X, cụ thể như sau:

Đối với bà Nguyễn Thị B:

Thời gian từ giữa năm 2013 đến trước tháng 9/2015, Y M nhiều lần vay tiền của bà B và đã trả đủ tiền gốc, lãi. Đến khoảng thời gian tháng 9-10/2015, Y M vay của bà B hai khoản tiền 700.000.000đ và 430.000.000đ, đến hạn trả nợ Y M chỉ trả tiền lãi, còn tiền gốc chưa trả, đồng thời đến ngày 10/11/2015, Y M viết lại giấy nhận nợ bà B với tổng số tiền gốc là 1.130.000.000đ. Đến ngày 06/12/2015, Y M tiếp tục vay của bà B số tiền 1.245.000.000đ, đến ngày 15/12/2015 Y M trả cho bà B 100.000.000đ tiền gốc, đồng thời viết lại giấy nhận nợ 1.145.000.000đ. Tổng số tiền Y M đã chiếm đoạt của bà B là 2.275.000.000đ.

Quá trình điều tra, bà B khai nhận tổng số tiền lãi mà Y M đã trả là khoảng 300.000.000đ (trong đó có khoản tiền lãi trả trước đây, ngoài khoản tiền lãi của số tiền gốc 2.275.000.000đ), về giấy tờ xác nhận tiền lãi đã nhận, bà B cho rằng mỗi khi Y M trả lãi đủ đã xé giấy vút bỏ đi, còn Y M khai theo trí nhớ chứ không có giấy tờ gì xác nhận việc đã trả tiền lãi cho bà B tổng số tiền khoảng 2.500.000.000đ (trong đó có tiền lãi trước đây, ngoài khoản tiền lãi của số tiền gốc 2.275.000.000đ).

Đối với bà Trần Thị X:

Thời gian từ tháng 8/2013 đến trước ngày 05/01/2015, Y M nhiều lần vay tiền của bà X và đã trả đủ tiền gốc, lãi. Kể từ thời gian ngày 05/01/2015, Y M tiếp tục vay tiền của bà X nhiều lần nhưng không trả nợ được tiền gốc nên đến ngày 26/12/2015 cộng dồn nhiều lần, Y M viết lại giấy nhận nợ bà X tổng số tiền gốc là 1.900.000.000đ. Ngoài ra, ngày 12/12/2015, Y M vay tiền của bà X và viết giấy nhận nợ với số tiền 200.000.000đ; ngày 18/12/2015, Y M tiếp tục vay tiền của bà X và viết giấy nhận nợ với số tiền 400.000.000đ. Tổng số tiền mà Y M đã chiếm đoạt của bà X là 2.500.000.000đ.

Quá trình điều tra, do bà X có ghi chép sổ sách cụ thể tiền gốc và lãi nên Y M và bà X cùng xác nhận tổng số tiền lãi mà Y M đã trả cho bà X là 2.350.860.000đ (trong đó có tiền lãi trước đây, ngoài khoản tiền lãi của số tiền gốc 2.500.000.000đ).

Như vậy, tổng số tiền mà bị cáo Y M đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị B và bà Trần Thị X là 4.775.000.000đ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 21/2017/HSST ngày 07/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Y M (Tên gọi khác: Y Mơ) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Y M 10 (Mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (04/10/2016).

Về trách nhiệm dân sự.

Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự, khoản 1 Điều 579, khoản 1 Điều 580 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Y M phải bồi hoàn lại số tiền đã lừa đảo chiếm đoạt của 02 người bị hại, cụ thể: trả lại cho bà Nguyễn Thị B số tiền 1.955.000.000đ và trả lại cho bà Trần Thị X số tiền 129.140.000đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quy định về thi hành án dân sự, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/6/2017, bị cáo Y M kháng cáo với nội dung: Tòa sơ thẩm buộc bị cáo trả lại cho bà Nguyễn Thị B số tiền 1.955.000.000đ là không đúng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Y M vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Theo đơn kháng cáo và lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa hôm nay bị cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 1.975.000.000 đồng là không đúng và oan cho bị cáo.

[1] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của bị cáo, bị hại và kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét đơn kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong khoảng thời gian từ năm 2013 đến trước tháng 9 năm 2015, Y M đã nhiều lần vay tiền của bà Nguyễn thị B và đã trả đầy đủ gốc và lãi xuất. Đến khoảng thời gian tháng 9/2015 Y M tiếp tục vay tiền của bà B hai khoản tiền là 700.000.000 đồng và 430.000.000 đồng, đến hạn trả nợ Y M chỉ trả tiền lãi, còn tiền gốc chưa trả, do vậy ngày 10/11/2015, bị cáo đã viết lại giấy vay tiền của 02 khoản nêu trên là 1.130.000.000 đồng. Đến ngày 06/12/2015, Y M tiếp tục vay của bà Nguyễn Thị B 1.245.000.000 đồng, đến ngày 15.12.2015 bị cáo trả cho bà B 100.000.000 đồng tiền gốc, đồng thời viết lại giấy nhận nợ là 1.145.000.000 đồng. Như vậy bị cáo đã nhận từ bà B tổng cộng là 2.755.000.000 đồng.

[2] Căn cứ vào tài liệu thu thập được của cơ quan điều tra, và lời thừa nhận của bị cáo, có đủ căn cứ để khẳng định: Để vay được số tiền nêu trên bị cáo đã đưa ra những thông tin không đúng sự thật, nhằm lừa dối người cho vay tiền, bị cáo đưa ra những thông tin như “Vay tiền để đáo hạn ngân hàng cho một số hộ vay vốn của Ngân hàng CS” vì bị cáo là tổ trưởng tổ vay vốn của dự

án CARITAS Kon Tum. Bị cáo còn đưa sổ sách, danh sách nợ của người dân đối với dự án để mọi người tin đó là sự thật. Với thủ đoạn nêu trên bị cáo đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị B số tiền 2.275.000.000 đồng, của bà Trần Thị X 2.500.000.000 đồng (bị cáo không kháng cáo số tiền chiếm đoạt của bà X). Với hành vi và hậu quả như trên, bị cáo Y M bị Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum buộc tội bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

[3] Đối với kháng cáo của bị cáo cho rằng bị cáo không vay của bà B 02 khoản tiền 700.000.000 đồng và 430.000.000 đồng, việc viết giấy nợ này là vợ chồng bà B gọi bị cáo đến nhà vào tháng 2 năm 2016, và ép buộc bị cáo viết và ký. Xét thấy lời khai này là không có căn cứ bởi lẽ, trong suốt quá trình điều tra, bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình bản tự khai (BL11, BL12), tại biên bản lấy lời khai ban đầu (BL74) ngày 14.7.2016 (trước khi khởi tố vụ án hình sự) khi cơ quan điều tra mời bị cáo lên làm việc để xác minh đơn tố cáo của bà B, bị cáo đều thừa nhận có nợ của bà B 02 khoản tiền nêu trên. Tại biên bản lấy lời khai của Viện kiểm sát tỉnh Kon Tum (BL202-203) bị cáo cũng thừa nhận có nhận 02 khoản tiền trên từ bà B. Mặt khác bị cáo cho rằng bị ép buộc ký, tuy nhiên trong suốt khoảng thời gian từ tháng 2 năm 2016 cho tới khi bà B làm đơn tố cáo bị cáo vào tháng 6 năm 2016 (BL01) tức là sau 4 tháng và cho đến sau này bị cáo cũng không có ý kiến phản đối gì về việc bị ép viết giấy nhận nợ. Trong suốt quá trình điều tra bị cáo cũng không chứng minh được việc đã trả nợ cho bà B. Mặc dù trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc cơ quan điều tra nên cơ quan điều tra đã chứng minh được bị cáo có thủ đoạn gian dối khi vay tiền và có chứng cứ về việc bị cáo đã nhận tiền, do vậy bị cáo cho rằng không còn nợ thì phải có nghĩa vụ chứng minh về trách nhiệm dân sự, cũng tại đơn kháng cáo của bị cáo cho rằng đến cuối năm 2015 đã trả hết cho bà B. Trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo không có cung cấp chứng cứ nào để chứng minh cho kháng cáo là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cũng đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX xem xét về mặt tội danh đối với bị cáo, vì bị cáo có dấu hiệu của tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Hội đồng xét xử xét thấy, ngay từ ban đầu bị cáo đã có hành vi thủ đoạn gian dối để vay mượn tiền của người khác, tại phiên tòa hôm nay cũng như lời khai trước đây bà B và bà Xuân khai rằng do tin tưởng bị cáo vay tiền để đáo hạn ngân hàng nên cho vay, do vậy hành vi của bị cáo cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” án sơ thẩm định tội danh là có căn cứ.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy đơn kháng cáo của bị cáo là không có cơ sở để chấp nhận, cần bác đơn kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định án sơ thẩm.

Án phí : Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Y M , giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 21/ 2017/HSST , ngày 07 /6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 ; các điểm p,b khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.Điều 42 Bộ luật hình sự, khoản 1 Điều 579, khoản 1 Điều 580 Bộ luật dân sự.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, về án phí lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Y M 10 (Mười) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/10/2016.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Y M phải trả lại số tiền cho bà Nguyễn Thị B 1.955.000.000 đồng và trả lại cho bà Trần Thị X 129.140.000 đồng.

Án phí: Bị cáo Y M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Công an tỉnh Kon Tum;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Kon Tum;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Bị cáo; Những người tham gia TT khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Mai Xuân Thành